

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 01 - 2021

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bốn.

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đ; sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Xóm 5 xã A, huyện Giao Thủy; chỗ ở hiện nay: Xóm 1 xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; " vắng mặt"

Bị đơn: Anh Phùng Văn Tr; sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 5, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định;" vắng mặt".

Người làm chứng: NLC; nơi cư trú: Xóm 5, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định;" vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Đ trình

bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn Tr tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận ngày 12-10 - 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị phát hiện anh Tr nghiện ma túy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho tới nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Văn Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung: Phùng Công B, sinh ngày 18/11/2005; Phùng Như Q, sinh ngày 15/12/2012; Phùng Tấn D, sinh ngày 05/09/2014. Hiện nay các con chung đang ở với anh Tr và bố mẹ đẻ anh Tr. Khi ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi con Phùng Công B; để anh Tr trực tiếp nuôi con Phùng Như Q và Phùng Tấn D, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho anh Tr.

Về tài sản: Vợ chồng tự giải quyết chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phùng Văn Tr: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tr nhưng anh Tr không trực tiếp trình bày quan điểm và không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai NLC trình bày: Ông là bố đẻ của anh Phùng Văn Tr. Giữa anh Tr và chị Đ vợ chồng mâu thuẫn như thế nào ông không rõ, nhưng cũng nhiều lần thấy vợ chồng bất đồng quan điểm về trong việc làm ăn kinh tế và hiện nay đang sống ly thân; con chung của anh Tr, chị Đ hiện do ông đang trực tiếp nuôi dưỡng. Các văn bản tố tụng và tài liệu Tòa án giao cho ông nhận thay anh Tr, ông đã chuyển lại cho con trai ông, nhưng anh Tr hiện nay đi làm ăn không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Anh Tr và gia đình ông không nhất trí về việc chị Đ, anh Tr ly hôn, nhưng nhận nuôi con chung nếu ly hôn.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã A, huyện Giao Thủy: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung như các đương sự trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng cũng như các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Đ và anh Phùng Văn Tr; căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Đ trực tiếp nuôi cháu Phùng Công B, giao cho anh Tr trực tiếp nuôi cháu Phùng Như Q và Phùng Tấn D. Chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Đ có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn anh Phùng Văn Tr được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt cả hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Phùng Văn Tr kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh Tr không có hạnh phúc và đã sống ly thân trong thời gian dài. Anh Tr không tham gia hòa giải, không đến Tòa án để làm việc. Hội đồng xét xử đánh giá: mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Đ và anh Phùng Văn Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Đ và anh Phùng Văn Tr, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện nuôi con của đương sự, ý kiến của con chung, kết quả xác minh tại xã A; căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao cháu Phùng Công B, sinh ngày 18-10-2005 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phùng Như Q, sinh ngày 15-12-2012 và cháu Phùng Tấn D, sinh ngày 05-9-2014 cho anh Phùng Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị Đ tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr mỗi tháng là 1.000.000 đồng; hai bên có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị Đ là nguyên đơn nên có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nên theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Đ và anh Phùng Văn Tr.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi con Phùng Công B, sinh ngày 18-10-2005; giao cho anh Phùng Văn Tr trực tiếp nuôi con Phùng Như Q, sinh ngày 15-12-2012 và con Phùng Tấn D, sinh ngày 05-9-2014. Hai bên có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc chị Bùi Thị Đ tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phùng Văn Tr số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi các con chung trưởng thành lao động tự lập được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000117 ngày 05 -11 - 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Bùi Thị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ (29 - 01 - 2021).

5. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên